

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH
TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2017/DS-PT

Ngày 08 - 9 - 2017

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hương.

Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Bích.

Bà Hoàng Thị Minh Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quan Thị Nghi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thúy Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2017/TLPT-DS ngày 11 tháng 8 năm 2017, về: *Tranh chấp quyền sử dụng đất.*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST, ngày 08/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2017/QĐ-PT, ngày 23/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tự L, sinh năm 1962.

ĐKKHKT: Thôn Đ, xã H, huyện A, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở: Tổ dân phố T, thị trấn A, huyện A, Tuyên Quang.

Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Ma Thị Đ1, sinh năm 1940.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện A, tỉnh Tuyên Quang.

Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn A, huyện A, tỉnh Tuyên Quang (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 10/1/2017). Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Mai Thị H1, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn A, huyện A, Tuyên Quang.

Có mặt.

- Trung tâm Thủy sản Q.

Địa chỉ: Thôn B 4, xã E, thành phố M, Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Mạnh Ô; chức vụ: Giám đốc. Có mặt.

4. Người kháng cáo:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Tự L.

- Bị đơn: Bà Ma Thị Đ1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn ông Nguyễn Tự L trình bày:

Năm 1997 gia đình ông có nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất của ông Phạm Văn Á tại thôn Đ, xã H, huyện A, tỉnh Tuyên Quang. Việc chuyển nhượng ông Á có làm đơn xin chuyển nhượng đất và tài sản, khi ông nhận chuyển nhượng diện tích đất này đã có sẵn một con đường đi vào nhà giáp với phần ao của bà Ma Thị Đ1. Sau khi nhận chuyển nhượng của ông Á gia đình ông L vẫn sử dụng con đường đó làm lối đi vào nhà ổn định, đến năm 2006 gia đình ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích mà ông nhận chuyển nhượng của ông Á. Thời điểm đó gia đình bà Ma Thị Đ1 cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2011 ông chuyển ra ngoài tổ dân phố T, thị trấn A, huyện A sinh sống cùng với con thì bà Ma Thị Đ1 đã mua gạch đá về xây tường rào bít kín con đường là lối đi vào nhà ông. Mặc dù gia đình ông chuyển ra thị trấn A sống nhưng vẫn thường xuyên đi lại diện tích đất này để chăm sóc, quét dọn nhà cửa, thờ cúng tổ tiên. Việc bà Đ1 xây bít kín con đường là lối đi vào nhà ông đã gây khó khăn cho việc đi lại của gia đình ông. Ông xác định con đường là lối đi vào nhà ông không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông và cũng không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà Ma Thị Đ1 mà thuộc quyền quản lý của chính quyền địa phương. Do bà Đ1 đã xây tường rào bít kín con đường nên ông khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Đ1 phải tháo dỡ phần tường rào xây gạch xi măng bít kín lối đi, một cạnh bám đường bê tông, một cạnh giáp đất phía trong nhà ông, trả lại cho ông được quyền sử dụng đất có tổng diện tích 91,08m² (theo diện tích đo đạc thực tế) để làm lối đi. Đối với phần xây kè đá dọc theo lối đi bám theo ao trại cá và đất nhà

ông, ông đã xác định phần xây kè đá này không ảnh hưởng tới lối đi nên ông không yêu cầu bà Đ1 tháo dỡ.

Bị đơn bà Ma Thị Đ1 trình bày: Năm 1966 bà cùng chồng bà có khai phá một diện tích đất tại thôn Đ, xã H, huyện A, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi khai phá vợ chồng bà đã đào ao, thả cá, khi đào ao ông bà lấy đất đắp thành bờ, liền kề với ao nhà bà là ao nhà ông I (con trai là X), ông I cùng bà đắp thêm vào bờ để đi. Đến khoảng năm 1979 gia đình bà đã đổi ao cho nhà ông I để tiện sử dụng, ông I sử dụng ao nhà bà còn bà sử dụng ao nhà ông I. Khi đã đổi cả ao và bờ liền kề bà quản lý sử dụng luôn bờ ao, một thời gian sau Trại cá thu hồi ao của ông I và cấp đất cho ông I đi nơi khác còn bà vẫn sử dụng ao và bờ ổn định. Trong quá trình sử dụng ông Phạm Văn Á có hỏi bà cho mượn bờ ao để đi nhờ vào đất nhà ông Á, bà nhất trí cho ông Á đi nhờ, ngoài đi nhờ bờ ao nhà bà ông Á vẫn còn có lối đi khác. Năm 1997 ông Á bán đất cho nhà ông L, ông L vẫn tiếp tục sử dụng đường bờ ao mà trước đây ông Á mượn của nhà bà để làm lối đi, bà nể chỗ quen biết nên vẫn để cho nhà ông L mượn đường bờ ao làm lối đi mà không có ý đòi lại. Năm 1998 chồng bà ông Nguyễn Văn K chết, năm 2006 bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất ao trong đó có cả đường bờ ao, tuy nhiên bà vẫn để ông L đi nhờ. Năm 2009 bà đã yêu cầu gia đình ông L tự tạo lối đi khác nhưng gia đình ông L không thực hiện, đến năm 2011 gia đình ông L chuyển ra tổ dân phố T, thị trấn A xây nhà sinh sống, đồng thời lúc đó gia đình bà không có nhu cầu thả cá vì thiếu nguồn nước nên bà đã đổ đất lấp ao để trồng cây và mua vật liệu về xây kè bờ ao cho đỡ sạt lở với ao của Trại cá và xây tường rào. Ông L xác định diện tích đất tranh chấp là đất của ông Á bán cho ông L để làm đường đi và yêu cầu bà tháo dỡ tường rào, gạch xi măng trả lại đất để ông L làm lối đi bà không nhất trí theo yêu cầu khởi kiện của ông L.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Nguyễn Thị Kim L giữ nguyên quan điểm như bà Ma Thị Đ1 trình bày, không nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tự L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị H1 trình bày: Bà nhất trí với quan điểm của ông Nguyễn Tự L và xác định con đường là lối đi vào nhà bà tại thôn Đ, xã H không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ma Thị Đ1 mà thuộc quyền quản lý của chính quyền địa phương, bà xác định ngoài con đường mà bà Đ1 đã xây tường rào bịt kín thì hiện tại không còn con đường nào khác. Bà đề nghị tòa án giải quyết buộc bà Đ1 phải tháo dỡ phần tường rào xây bịt kín lối đi bám theo đường bê tông có chiều rộng 03 m, phía trong bám theo đất của nhà bà có chiều rộng 5,25m trả lại cho gia đình bà lối đi có diện tích 91,08m² (theo diện tích đo đạc thực tế).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trung tâm Thủy sản Q trình bày: Theo hồ sơ quản lý của Trung tâm đối với trại cá huyện A thì diện tích mà ông Nguyễn Tự L và bà Ma Thị Đ1 hiện nay đang tranh chấp liền kề với ao Trại cá A, do vậy một cạnh của diện tích đất này cũng là bờ ao của trại cá. Trước đây gia đình bà Đ1 làm ao nuôi thả cá, nhà bà Đ1 và trại cá cùng sử dụng bờ ao đó, sau này nhà bà Đ1 mới lấp ao đi. Do nhu cầu sản xuất năm 2007 Trung tâm thủy sản Q có thuê

Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang đo vẽ lại toàn bộ diện tích đất ao của Trung tâm Thủy sản Q ở xã H và thị trấn A để làm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong diện tích đo vẽ có diện tích đất ao trại cá thuộc thôn Đ, xã H, huyện A. Đến nay Trung tâm thủy sản Q vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tại thôn Đ, xã H, huyện A do Trung tâm có tranh chấp quyền sử dụng đất đối với hộ liên kề. Ngoài bản đồ thuê đo vẽ lại năm 2007 Trung tâm thủy sản Q không có giấy tờ nào khác để chứng minh quyền sử dụng đất đối với thửa đất tại thôn Đ, xã H, huyện A. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tụ L nếu gia đình ông L không có lỗi đi thì Trung tâm thủy sản Q đề nghị tòa án giải quyết tranh chấp giữa ông L và bà Đ1 theo quy định của pháp luật.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân huyện A thụ lý, xác minh và hòa giải nhưng không thành nên đã đưa vụ án ra xét xử theo trình tự sơ thẩm. Tại bản án số 17/2017/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2017 đã Quyết định:

Căn cứ: Điều 26, Điều 147, 165, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 275 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 171 Luật đất đai năm 2013; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tụ L và bà Mai Thị H1 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

- Giao cho ông Nguyễn Tụ L và bà Mai Thị H1 được quyền sử dụng 91,08m² đất, là một phần diện tích của thửa đất số 119 tờ bản đồ số 15A đo đạc giải thửa số 299, tại xã H, huyện A, tỉnh Tuyên Quang. Đã được rà soát đo đạc lại năm 2012 là thửa số 19 tờ bản đồ số 34 thuộc thôn Đ, xã H, huyện A, tỉnh Tuyên Quang (có sơ đồ hiện trạng kèm theo) để làm lối đi.

(Diện tích đất có sơ đồ kèm theo không tách rời bản án và được xác định bởi các điểm nối liền liên tục là 1,2,3,4,5,6,7,8,9,1. Trong đó phía nam giáp đường bê tông (đường đi thôn Tứ Thông), phía tây giáp với diện tích đất của ông Nguyễn Tụ L và ao Trại cá của Trung tâm thủy sản Q, phía bắc giáp với thửa đất số 14 của ông Nguyễn Tụ L, phía đông giáp với thửa đất số 19 của bà Ma Thị Đ1).

- Ông Nguyễn Tụ L và bà Mai Thị H1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ma Thị Đ1 số tiền 38.545.500đ *(Ba mươi tám triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng).*

2. Về chi phí tố tụng: Bà Ma Thị Đ1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Tụ L số tiền 700.000đ *(Bảy trăm nghìn đồng).*

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 19/6/2017 Tòa án nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Tự L với nội dung: Buộc bà Ma Thị Đ1 chấm dứt hành vi cản trở trái phép xâm hại đến cuộc sống, tháo dỡ toàn bộ hàng rào chắn ngang đường lối đi trả lại đường đi vào nhà tôi để cho gia đình tôi con đường để đi lại làm ăn sinh sống và cải tạo nhà cửa hiện nay đang bị xuống cấp nghiêm trọng.

Ngày 20/6/2017 Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn bà Ma Thị Đ1 với nội dung: Kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm đề nghị tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xem xét và giải quyết phù hợp với pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Tự L và bị đơn bà Ma Thị Đ1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án ngày 11/8/2017 đến thời điểm xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng năm 2015, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 48; Điều 49; Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa phúc thẩm, về nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa.

Đối với các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70; Điều 71; Điều 72; Điều 73 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Tự L và bị đơn bà Ma Thị Đ1 hợp lệ, trong hạn luật định. Nội dung kháng cáo nằm trong nội dung của Bản án sơ thẩm.

Ngày 11/5/2015 Tòa án nhân dân huyện A mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa là ông Hoàng Hữu G - Kiểm sát viên. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 17/2015/DS-ST ngày 11/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện A đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L và bà H1, ngày 22/5/2015 ông L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trên. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 25/2016/DS-PT ngày 22/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã quyết định Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 17/2015/DS-ST ngày 11/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện A, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Trong các ngày 06,07,08/6/2017 Tòa án nhân dân huyện A đã mở lại phiên tòa xét xử sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa là ông Hoàng Hữu G - Kiểm sát viên. Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A đã quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tự L và bà Mai Thị H1 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Giao cho ông Nguyễn Tự L và bà Mai Thị H1 được quyền sử dụng 91,08m² đất, là một phần diện tích của thửa đất số 119 tờ bản đồ số 15A đo đạc giải thửa số 299, tại xã H, huyện A, tỉnh Tuyên Quang. Đã được rà soát đo đạc lại năm 2012 là thửa số 19 tờ bản đồ số 34 thuộc thôn Đ, xã H, huyện A, tỉnh Tuyên Quang và ông Nguyễn Tự L và bà Mai Thị H1 có nghĩa vụ

thanh toán cho bà Ma Thị Đ1 số tiền 38.545.500đ (Ba mươi tám triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng). Ngày 13/6/2017 và ngày 20/6/2017 ông L và bà Đ1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên.

Xét thấy tại phiên tòa sơ thẩm các ngày 06,07,08/6/2017 Kiểm sát viên ông Hoàng Hữu G vẫn tham gia phiên tòa là vi phạm nghiêm trọng về tố tụng theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định thay đổi Kiểm sát viên, kiểm tra viên thì: “ *Họ đã là người tiến hành tố tụng trong vụ việc đó với tư cách là ... Kiểm sát viên, kiểm tra viên*”. Trong trường hợp này Kiểm sát viên phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 và khoản 2 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hủy bản án sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A, xét xử về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” giữa Nguyên đơn ông Nguyễn Tự L, Bị đơn bà Ma Thị Đ1. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện A để xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 24/10/2014 Tòa án nhân dân huyện A đã thụ lý sơ thẩm vụ án dân sự về việc “*tranh chấp quyền sử dụng đất*” giữa nguyên đơn ông Nguyễn Tự L với bị đơn bà Ma Thị Đ1. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 17/2015/DS-ST ngày 11/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện A (Sơ thẩm lần 1) đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa là ông Hoàng Hữu G - Kiểm sát viên. Bản án sơ thẩm đã tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tự L và bà Mai Thị H1 về việc “*Kiện tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất*” đối với bà Ma Thị Đ1; Giao cho bà Ma Thị Đ1 được quyền quản lý sử dụng 93,8m² đất tại thửa đất số 119 tờ bản đồ số 15A đo đạc giải thửa số 299, xã H, huyện A, tỉnh Tuyên Quang; Ông Nguyễn Tự L và bà Mai Thị H1 có trách nhiệm tự tạo lập lối đi vào thửa đất của ông Nguyễn Tự L và bà Mai Thị H1 tại thửa đất số 14 tờ bản đồ số 34 địa chính xã H, được rà soát đo đạc năm 2012 thuộc thôn Đ, xã H, huyện A, tỉnh Tuyên Quang.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Tự L có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 17/2015/DS-ST ngày 11/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện A. Ngày 18/6/2015 Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm vụ án và tại bản án dân sự phúc thẩm số 25/2016/DS-PT ngày 22/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang (Phúc thẩm lần 1) đã quyết định Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 17/2015/DS-ST ngày 11/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện A, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Ngày 11/10/2016 Tòa án nhân dân huyện A thụ lý sơ thẩm vụ án dân sự về việc “*tranh chấp quyền sử dụng đất*” giữa nguyên đơn ông Nguyễn Tự L với bị đơn bà Ma Thị Đ1. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A (Sơ thẩm lần 2), Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa là ông Hoàng Hữu G - Kiểm sát viên. Theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định thay đổi Kiểm sát viên, kiểm tra viên: “ Kiểm sát viên, kiểm tra viên phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi trong trường hợp sau đây:

1. “...”.

2. *Họ đã là người tiến hành tố tụng trong vụ việc đó với tư cách là Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên”.*

[3] Như vậy Kiểm sát viên ông Hoàng Hữu G thuộc trường hợp phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi nhưng vẫn tiến hành tố tụng là kiểm sát viên tham gia phiên tòa (sơ thẩm lần 2) phiên tòa ngày 08/6/2017 là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Do cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về tố tụng nên Hội đồng xét xử thấy cần Hủy bản án sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A, xét xử về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” giữa Nguyên đơn ông Nguyễn Tự L, Bị đơn bà Ma Thị Đ1. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện A để xét xử lại vụ án theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 60 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và đảm bảo quyền lợi cho các đương sự như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Do cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là nguyên đơn ông Nguyễn Tự L và bị đơn bà Ma Thị Đ1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và khoản 2 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hủy bản án sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A, xét xử về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” giữa nguyên đơn ông Nguyễn Tự L, bị đơn bà Ma Thị Đ1. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện A giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí:

- Ông Nguyễn TỰ L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho ông Nguyễn TỰ L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004242 ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tuyên Quang.

- Bà Ma Thị Đ1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho bà Ma Thị Đ1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004243 ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tuyên Quang.

Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (08/9/2017).

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hương

CÁC THẨM PHÁN

Lê Quang Bích Hoàng Thị Minh Khánh

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hương

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hương

“Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án”.

3. Về án phí: Bà Ma Thị Đ1 phải nộp tiền án phí dân sự có giá ngạch, số tiền 1.927.275đ (Một triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng).

Ông Nguyễn Tụ L không phải nộp án phí. Trả lại cho ông L số tiền 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng), là tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N⁰ 003918 ngày 24/10/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A.

4. Ông Nguyễn Tụ L, bà Ma Thị Đ1, bà Mai Thị Hương có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Trung tâm thủy sản Tuyên Quang có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

“ Trường hợp bản án, quyết định